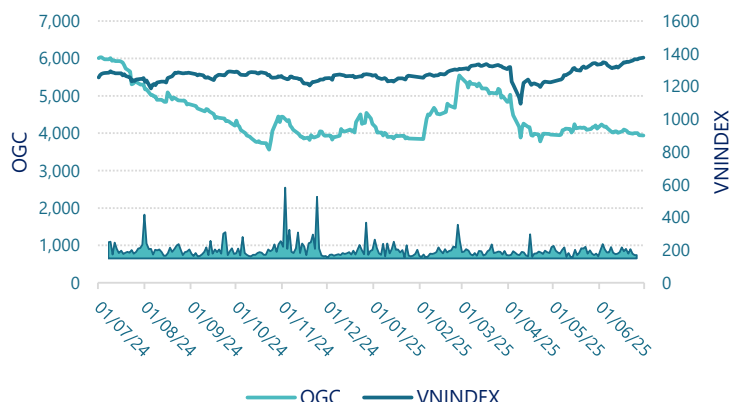


CTCP Tập đoàn Đại Dương (HSX: OGC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,940
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,030
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,560
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	367,250
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,182
P/E	9.8
EPS	402

DT thuần

Q2/25

181

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 50.0 | 37.9%

YoY: ▲ 17.0 | 10.1%

LN sau thuế

Q2/25

-12.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.2 | 62.1%

YoY: ▲ 8.90 | 42.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.9%

+/- YoY: ▲ 4.9%

DT thuần

6T 2025

312

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.0 | 9.4%

LN sau thuế

6T 2025

-45.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.00 | 11.7%

ROE

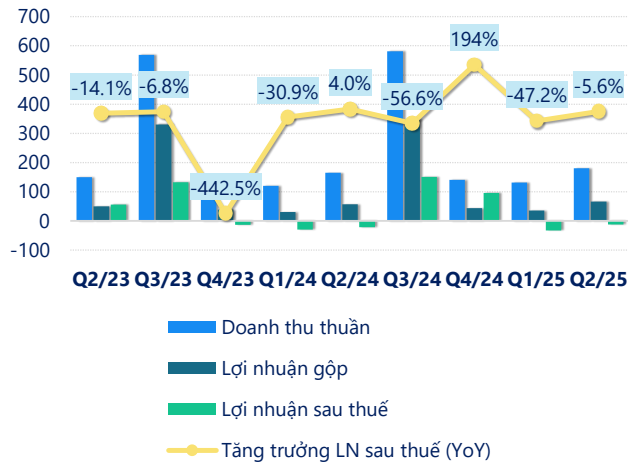
Q2/25

7.6%

+/- YoY: ▲ 1.6%

tỷ VNĐ

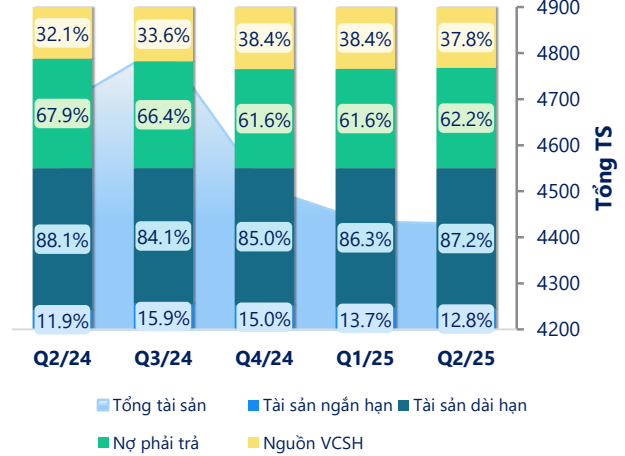
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

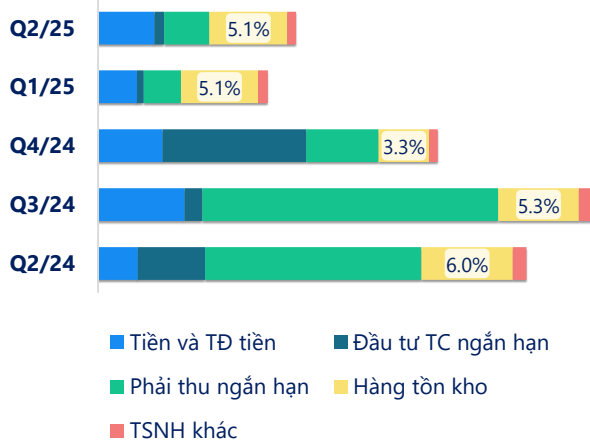
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



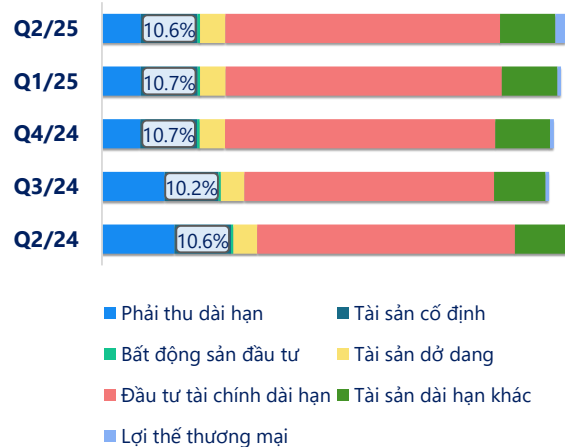
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

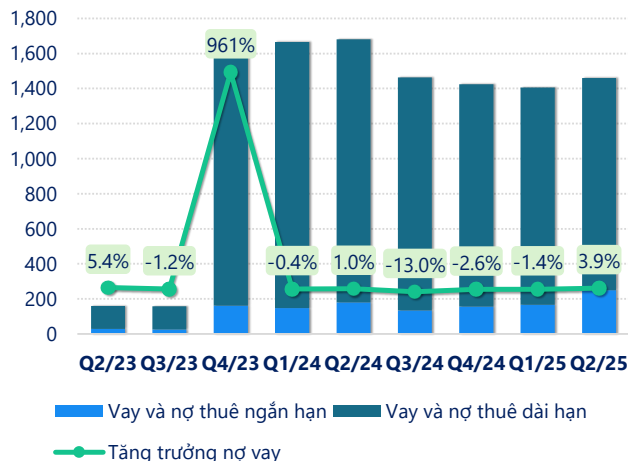
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

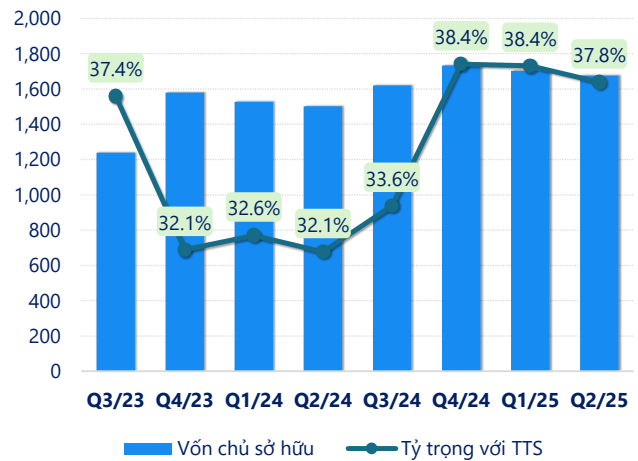
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

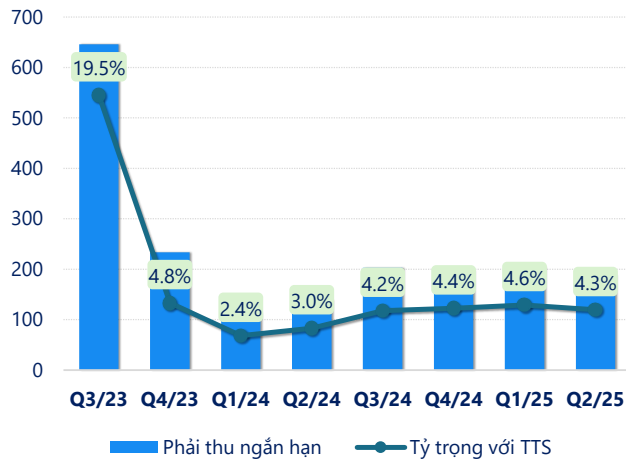
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



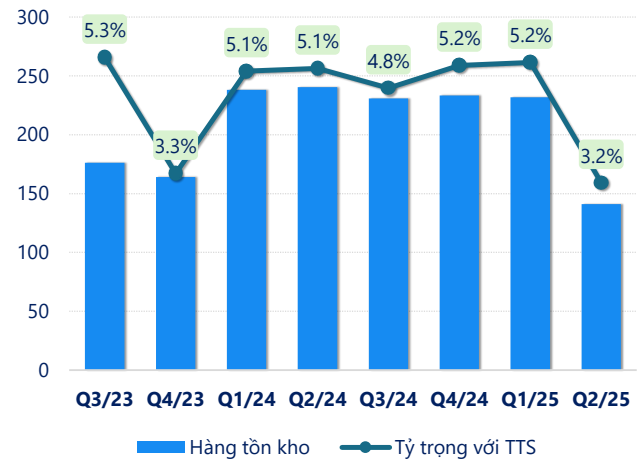
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


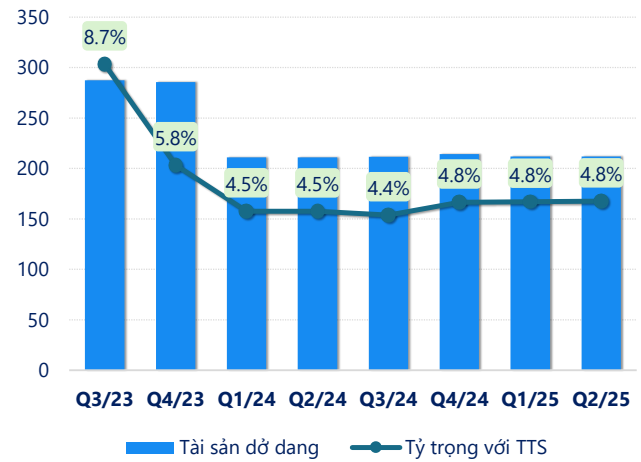
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

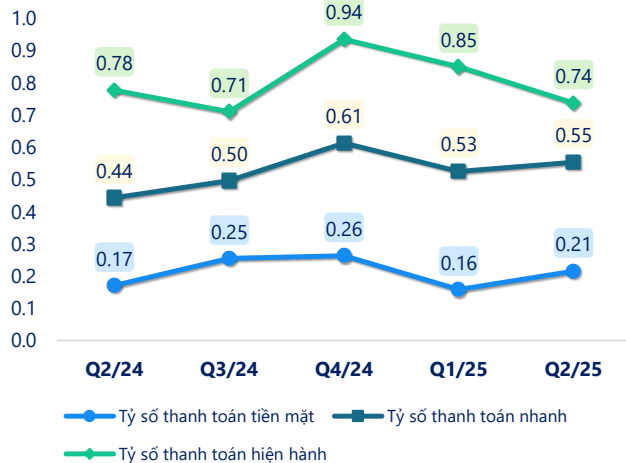
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

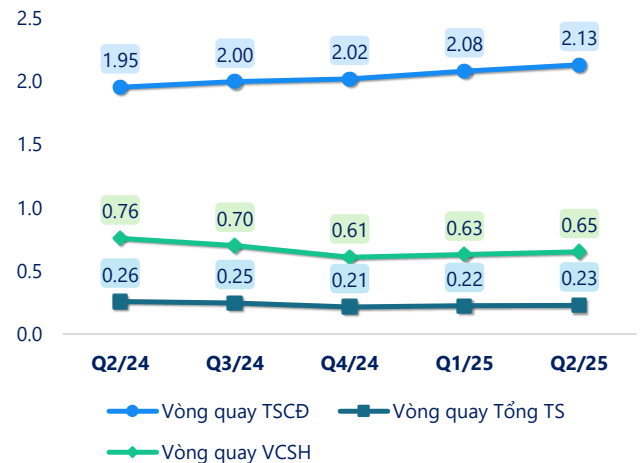
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	4,687	4,815	4,508	4,434	4,429
Tài sản ngắn hạn	559	765	678	606	565
Tiền và tương đương tiền	123	274	191	113	165
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.6	34.6	32.7	31.5	47.8
Phải thu ngắn hạn	139	203	197	205	189
Hàng tồn kho	240	231	233	232	141
Tài sản ngắn hạn khác	27.2	22.7	23.3	25.0	23.0
Tài sản dài hạn	4,128	4,050	3,830	3,828	3,863
Phải thu dài hạn	639	567	324	324	324
Tài sản cố định	497	489	483	474	471
Bất động sản đầu tư	21.8	21.5	21.2	20.9	20.6
Tài sản dở dang	211	212	214	212	212
Đầu tư tài chính dài hạn	2,272	2,261	2,293	2,304	2,287
Tài sản dài hạn khác	452	467	464	463	461
Lợi thế thương mại	34.6	33.4	30.7	30.9	87.1
Nợ phải trả	3,185	3,196	2,775	2,732	2,754
Nợ ngắn hạn	720	1,077	725	713	766
Vay và nợ thuê ngắn hạn	179	133	155	166	250
Phải trả người bán ngắn hạn	21.6	256	28.8	25.0	29.9
Nợ dài hạn	2,465	2,119	2,050	2,019	1,987
Vay và nợ thuê dài hạn	1,502	1,330	1,270	1,240	1,210
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,503	1,620	1,733	1,702	1,675
Vốn chủ sở hữu	1,503	1,620	1,733	1,702	1,675
Vốn điều lệ	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)